

Số: 3045/BVĐKXP-VTTTB

Hà Nội, ngày 7 tháng 8 năm 2025

Về việc báo giá lắp đặt hệ thống đường ống khí,
ô khí Oxy, ô khí Hút và ô khí CO2 trung tâm.

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam
Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo,
xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua
sắm lắp đặt hệ thống đường ống khí, ô khí Oxy, ô khí Hút và ô khí CO2 trung tâm, và
các phụ kiện đi kèm với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của Đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn.
Địa chỉ: 12 Chu Văn An - Phường Ba Đình - Thành Phố Hà Nội.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Phòng Vật tư trang thiết bị và bảo dưỡng máy - Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn.
Điện thoại: 0243.734.2368
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
Nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại địa chỉ:
Bộ phận văn thư - Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn.
Địa chỉ: 12 Chu Văn An - Phường Ba Đình - Thành Phố Hà Nội
- Thời hạn tiếp nhận báo giá:
Từ 08h00 ngày 08 tháng 8 năm 2025 đến 17h00 ngày 10 tháng 8 năm 2025.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày phát
hành báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị ô khí cố định, vật tư, linh kiện : Phụ lục kèm theo.
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn (Địa chỉ: 12
Chu Văn An - Phường Ba Đình - Thành Phố Hà Nội)
- Thời gian giao hàng dự kiến: 60 ngày
- Yêu cầu khác :
 - Yêu cầu báo giá báo gồm thuế và các chi phí liên quan khác.
 - Báo giá: Yêu cầu bản gốc, ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức danh
của người đại diện hợp pháp. *Chu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Lưu VT, VT-TTB (3).



Trần Liên Hương

Mẫu báo giá

CÔNG TY.....
ĐỊA CHỈ:.....
SỐ ĐIỆN THOẠI:.....
MÃ SỐ THUẾ:.....

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn theo Công văn số /BV ĐKXP – VTTTB ngày tháng năm 2024. Chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị, vật tư y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ...

tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản
xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

**PHỤ LỤC: DANH MỤC THIẾT BỊ Ồ KHÍ CỐ ĐỊNH, VẬT TƯ, LINH
KIỆN LẮP ĐẶT**

(Kèm theo Công văn số 3048 BVĐKXP – VTTTB ngày 7 tháng 8 năm 2025)

1. PHẦN DANH MỤC THIẾT BỊ Ồ KHÍ CỐ ĐỊNH

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Đặc tính, thông số kỹ thuật
1	Ồ khí Oxy	32	Yêu cầu: – Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 – Sử dụng chuyên biệt cho loại khí Oxy. – Chuẩn cấm BS – Lõi ồ khí bằng chất liệu đồng, mặt ồ khí và nút nhân ồ khí bằng chất liệu nhựa hoặc tương đương. – Có chế độ khóa đầu cấm đực và cấp khí. – Áp lực làm việc từ: ≥ 4 bar – Áp lực tối đa: 10 bar – Lưu lượng: 40 lít/phút
2	Ồ khí Hút	10	Yêu cầu: – Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 – Sử dụng chuyên biệt cho loại khí hút. – Chuẩn cấm BS – Lõi ồ khí bằng chất liệu đồng, mặt ồ khí và nút nhân ồ khí bằng chất liệu nhựa hoặc tương đương. – Có chế độ khóa đầu cấm đực và cấp khí. – Áp lực làm việc từ: -0,6bar
3	Ồ khí CO2	08	Yêu cầu: – Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 – Sử dụng chuyên biệt cho loại khí CO2. – Chuẩn cấm BS – Lõi ồ khí bằng chất liệu đồng, mặt ồ khí và nút nhân ồ khí bằng chất liệu nhựa hoặc tương đương. – Có chế độ khóa đầu cấm đực và cấp khí. – Áp lực làm việc từ: ≥ 4 bar – Áp lực tối đa: 10 bar – Lưu lượng: 40 lít/phút
4	Lưu lượng	30	Yêu cầu:

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Đặc tính, thông số kỹ thuật
	kế oxy kèm bình làm ẩm		- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Sử dụng chuyên biệt cho loại khí Oxy - Thân lưu lượng kế bằng chất liệu nhôm hoặc tương đương - Phao bằng chất liệu thép không gỉ, có chế độ bảo vệ bệnh nhân trong trường hợp quá mức - Thang đo lưu lượng hiển thị lưu lượng - Áp lực làm việc: $\geq 60\text{psi}$ - Thang đo: 0 - 15 lít/phút Cấu hình 1 bộ bao gồm: 01 lưu lượng kế + 01 bình làm ẩm + 01 đầu cắm nhanh chuẩn BS.
5	Bộ hút dịch gắn tường	03	Yêu cầu: - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Mức điều chỉnh: 0 - 760mmHg Cấu hình 1 bộ bao gồm: 01 đầu cắm nhanh chuẩn BS cho khí hút. 01 bộ điều chế áp lực hút 01 bình đựng dịch $\geq 1500\text{ml}$ 01 bộ dây dẫn dịch Silicon
6	Đầu cắm nhanh khí CO2	08	Yêu cầu: - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Chuẩn cắm BS. - Chất liệu thép không gỉ

2. PHẦN VẬT TƯ, LINH KIỆN LẮP ĐẶT

(Thiết bị thi công và phụ kiện)

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Ống đồng D22	196	Mét	Độ dày: $\geq 1\text{mm}$
2	Ống đồng D15	55	Mét	Độ dày: $\geq 1\text{mm}$
3	Ống đồng D12	235	Mét	Độ dày: $\geq 0.8\text{mm}$
4	Van cách ly D22	04	Cái	
5	Van cách ly D15	06	Cái	

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
6	Van cách ly D12	08	Cái	
7	Ống thép mạ kẽm D27	08	Mét	
8	Măng xông đồng D22	44	Cái	
9	Măng xông đồng D15	13	Cái	
10	Măng xông đồng D12	51	Cái	
11	Cút đồng 90 độ D22	34	Cái	
12	Cút đồng 90 độ D15	55	Cái	
13	Cút đồng 90 độ D12	73	Cái	
14	Tê đồng D22	14	Cái	
15	Tê đồng D15	21	Cái	
16	Thu đồng D22-15	15	Cái	
17	Thu đồng D15-12	29	Cái	
18	Ghen nhựa 40x100	124	Mét	
19	Giá đỡ ống	75	Bộ	
20	Vật tư phụ	01	Lô	Que hàn, vít nở, keo silicone.....